

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ AN NINH MÔI TRƯỜNG

Trong lịch sử phát triển, ngày nay loài người đã đạt được những bước tiến nhanh chưa từng có, nhưng cũng chưa bao giờ loài người đứng trước những thách thức, nguy cơ đe dọa đến sự tồn vong của mình như hiện nay: cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thảm họa thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia... Đó là những vấn đề an ninh phi truyền thống, đang đặt ra những yêu cầu bức thiết phải có sự nỗ lực chung của cả cộng đồng quốc tế để đối phó, vì sự tồn tại, phát triển bình thường của mỗi quốc gia, dân tộc cũng như của toàn nhân loại. Ở đây, chỉ đề cập đến những nhận thức cơ bản về tai biến môi trường, biến đổi khí hậu, từ đó đề xuất giải pháp ứng phó ở mức độ định tính bước đầu đối với Việt Nam trong bối cảnh một nước còn nghèo và đang trong quá trình hội nhập quốc tế.

I. QUAN NIỆM VỀ AN NINH MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, vấn đề an ninh môi trường đã và đang được nhiều học giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu, tuy nhiên, vấn đề chưa có sự thống nhất trong việc xác định nội hàm của khái niệm an ninh môi trường, cũng như những khái niệm liên quan. Ở nội dung này, chúng tôi cố gắng đi sâu phân tích một số khái niệm có liên quan trực tiếp đến vấn đề an ninh môi trường ở Việt Nam như: môi trường, an ninh môi trường, tai biến môi trường...

1. Khái niệm “môi trường”

Theo quan điểm chính thống của Việt Nam, môi trường là tổng thể các yếu tố tự nhiên (môi trường tự nhiên) và các yếu tố vật chất nhân tạo (môi trường nhân tạo), có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống sản xuất, sự tồn tại và phát triển của con người và thiên nhiên (Điều 1, Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam).

Môi trường sống của con người chia theo chức năng gồm 2 loại: một là, môi trường tự nhiên bao gồm các yếu tố vật chất dưới dạng cấu trúc vật lý học, hóa học, sinh học tồn tại độc lập với ý muốn chủ quan của con người nhưng cũng ít nhiều chịu tác động của con người. Các yếu tố đó là: ánh sáng mặt trời, không khí, đất, núi, khoáng sản, sông, biển, động vật, thực vật,... Môi trường tự nhiên cho con người không khí để thở, đất ở và xây dựng, đất để sản xuất nông nghiệp, khoáng sản để chế tạo các sản phẩm, cung cấp những cảnh quan giải

trí... Môi trường tự nhiên cũng là nơi chứa đựng, biến đổi và đồng hóa phế liệu, phế thải của đời sống và sản xuất; *hai là*, môi trường nhân tạo gồm những công trình kiến trúc, kết cấu hạ tầng, nhà ở, cơ quan, công sở, máy móc, thiết bị, phương tiện, sản phẩm, được con người sản xuất, chế tạo nhằm phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống của mình. Môi trường nhân tạo biến đổi tương đối nhanh chóng theo sự phát triển của khoa học - công nghệ và sự thay đổi nhu cầu thị hiếu của con người; mặt khác nó cũng đưa vào môi trường tự nhiên ngày càng nhiều những phế liệu, phế thải quá mức chịu đựng của tự nhiên, khó biến đổi đồng hóa trong tự nhiên. Nếu không có sự can thiệp, trợ giúp xử lý của khoa học - công nghệ thì nguy cơ phá vỡ cân bằng tự nhiên, suy thoái môi trường trở thành thảm họa là rất lớn.

Môi trường có các vai trò, tác động cơ bản sau: 1) Môi trường là không gian sống của con người và các loài sinh vật; môi trường là nơi cung cấp tài nguyên cần thiết cho cuộc sống và hoạt động sản xuất của con người; 2) Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất của mình; 3) Môi trường là nơi cung cấp cả những khó khăn, gây hại, nhưng cũng có thể làm giảm nhẹ các tác động có hại của thiên nhiên tới con người và sinh vật trên Trái Đất; 4) Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người.

Theo quan điểm hiện nay, môi trường và nền sản xuất, đời sống xã hội có quan hệ hữu cơ, hai mặt, tác động qua lại lẫn nhau:

Môi trường là nơi cung cấp các điều kiện không gian, các nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào cho sản xuất và đời sống, nhưng đồng thời nó cũng đưa đến cả những khó khăn, cản trở, thậm chí gây hại cho sản xuất và đời sống. Đến lượt nó, nền sản xuất và đời sống xã hội một mặt làm cho môi trường trở nên phong phú, đa dạng và đáp ứng nhu cầu con người; nhưng mặt khác, nền sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng có nguy cơ đưa vào môi trường những phế liệu, phế thải của mình với quy mô, cường độ ngày càng lớn, với những kết cấu, tính chất phức tạp và bền vững hơn, mà khó có thể tự biến đổi, đồng hóa theo chu trình tự nhiên bình thường (chất thải không thân thiện với tự nhiên).

Đứng trước những khó khăn, cản trở, tác động bất lợi của tự nhiên; đứng trước nhu cầu tiêu dùng xã hội ngày càng tăng cả về quy mô, chủng loại và chất lượng; đứng trước yêu cầu hiệu quả trực tiếp của sản xuất và sinh hoạt, tình

trạng tài nguyên bị cạn kiệt, suy thoái, tình trạng môi trường bị ô nhiễm, biến dạng, có thể dẫn đến tai biến, thậm chí thảm họa môi trường là một nguy cơ thực tế.

Về logic phát triển bền vững, phương châm chung sống với tự nhiên, né tránh tự nhiên, lợi dụng tự nhiên và làm giống tự nhiên, hạn chế làm ngược tự nhiên là đúng đắn. Tuy nhiên, trong thực tế vấn đề lợi ích toàn cầu, lợi ích quốc gia, lợi ích nhóm, lợi ích cá nhân thường khó gặp nhau, thường xảy ra xung đột và cản trở lẫn nhau, thậm chí có thể phá vỡ nhau.

Những nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng, nguyên nhân của biến đổi khí hậu chủ yếu là các hoạt động của con người tác động lên hệ thống khí hậu, làm cho khí hậu biến đổi. Vì vậy, con người cần phải có những hành động thiết thực để ngăn chặn những biến đổi đó bằng chính những hoạt động phù hợp của con người.

Hiện nay, việc đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, đánh giá, dự báo ảnh hưởng đến môi trường của các dự án quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình kinh tế, khoa học kỹ thuật, y tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và các công trình khác, đề xuất các giải pháp thích hợp về bảo vệ môi trường.

Hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở đây có loại mang tính kinh tế - xã hội của quốc gia của một địa phương lớn, hoặc một ngành kinh tế văn hóa quan trọng (luật lệ, chính sách quốc gia, những chương trình quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch quốc gia dài hạn), có loại mang tính kinh tế - xã hội vi mô như đề án xây dựng công trình xây dựng cơ bản, quy hoạch phát triển, sơ đồ sử dụng một dạng hoặc nhiều dạng tài nguyên thiên nhiên tại một địa phương nhỏ. Tuy nhiên, một hoạt động có ý nghĩa vi mô đối với cấp quốc gia, nhưng có thể có ý nghĩa vĩ mô đối với xí nghiệp. Hoạt động vi mô nhưng được tổ chức một cách phổ biến trên địa bàn rộng có khi lại mang ý nghĩa vĩ mô.

Tác động đến môi trường có thể tốt hoặc xấu, có lợi hoặc có hại nhưng việc đánh giá tác động môi trường sẽ giúp những nhà ra quyết định chủ động lựa chọn các phương án khả thi và tối ưu về kinh tế - kỹ thuật trong bất cứ một kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nào.

2. Khái niệm “an ninh môi trường”

Từ thập niên 1950-1960, một số nước phương Tây bắt đầu quan tâm đến

quan hệ giữa vấn đề môi trường với phát triển kinh tế. Đến đầu thập niên 1980, họ đưa ra khái niệm “an ninh môi trường” và kể từ đó, vấn đề này ngày càng được nâng lên tầm cao trong an ninh quốc gia.

Năm 1972, Liên hợp quốc tổ chức *Hội nghị môi trường con người* ở Xtóckhôm (Thụy Điển), tại đây vấn đề an ninh môi trường lần đầu tiên được đưa vào chương trình nghị sự quốc tế. Báo cáo được trình bày ở hội nghị mang tựa đề “*Chỉ có một địa cầu và tuyên ngôn môi trường con người*” được thông qua, đã thức tỉnh các nước trong khi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cần phải chú ý đến bảo vệ môi trường của trái đất.

Từ cuối thập niên 1980, vấn đề “an ninh môi trường” được coi là “an ninh phi truyền thống” và là một trong các yếu tố cấu thành nội dung “an ninh tổng hợp” hoặc “an ninh toàn diện” của nhiều quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Liên Xô (trước đây) V.V.. Các chuyên gia Liên Xô còn đưa ra khái niệm “an ninh môi trường sinh thái” trong hệ thống an ninh tổng hợp quốc tế bao gồm giải trừ quân bị, an ninh kinh tế và an ninh sinh thái. Năm 1987, tại *Hội nghị bàn về quan hệ giữa giải trừ quân bị và phát triển quốc tế*, vấn đề “an ninh môi trường” lần đầu tiên được đưa vào văn kiện chính thức. Văn kiện cuối cùng của hội nghị với 150 nước tham dự nhất trí thông qua đã khẳng định, môi trường sống xấu đi là một trong những nguy cơ đe dọa sự phát triển bền vững, giống như nạn nghèo đói, mù chữ, bệnh tật, suy dinh dưỡng.

Đến giữa thập niên 1990, khái niệm an ninh môi trường được chính phủ một số nước phương Tây, trước hết là Mỹ chấp nhận. Trong Báo cáo chiến lược an ninh của chính quyền Mỹ dưới thời cầm quyền của Tổng thống B.Clinton đã từng nhấn mạnh đến “nguy cơ an ninh phi truyền thống” là “mối đe dọa mới” mà nước Mỹ đang phải đương đầu.

Năm 1996, Hội nghị cấp bộ trưởng của EU họp tại Madrid đề ra “khái niệm an ninh chung”, trong đó mở rộng phạm vi an ninh quốc gia bao gồm cả an ninh môi trường.

Cuối thập kỷ 1990, các chuyên gia thuộc Viện Nghiên cứu quan hệ quốc tế hiện đại của Trung Quốc đã cảnh báo nguy cơ an ninh phi truyền thống là một dạng thức của nguy cơ đối với an ninh quốc gia. Theo họ, vấn đề an ninh phi truyền thống hiện nay và mai sau sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới sự phát triển, sự ổn định chính trị và an ninh con người trong một nhà nước, tác động của nó không

kém gì an ninh truyền thống. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 (2002) đã đưa vấn đề an ninh phi truyền thống vào chương trình nghị sự. Theo quan niệm phổ biến ở Trung Quốc, an ninh con người do 5 yếu tố cấu thành, gồm: an ninh môi trường, tự nhiên và con người; an ninh kinh tế; an ninh xã hội; an ninh chính trị và an ninh văn hóa. Hiện nay, ngoài các vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại thì những vấn đề như hòa bình, môi trường sống trong sạch và lành mạnh, xã hội an ninh, tinh thần thoải mái là những yếu tố quan trọng tạo nên “cuộc sống khá giả”.

Các nước Mỹ, Nga, Nhật Bản, Anh, Canada, EU và nhiều nước khác đã ban hành Chiến lược an ninh môi trường, trong đó quy định nghiêm ngặt các yêu cầu đối với thực phẩm sạch, nước sạch, nhà sạch, công xưởng sạch, dây chuyền công nghệ sạch, nhằm tạo ra sự phát triển bền vững.

Môi trường càng ngày càng trở nên quan trọng đối với cuộc sống của con người, quan trọng đến mức, an ninh môi trường được đưa vào phạm vi an ninh quốc gia. Điều đó cho thấy, bất kỳ một hành vi cố ý gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường sống của con người đều cần phải xử lý thích đáng theo pháp luật.

3. Khái niệm “tai biến môi trường”, “ô nhiễm môi trường”

Hiện nay, tai biến môi trường là quá trình gây mất ổn định trong hệ thống môi trường. Đó là một quá trình gây hại vận hành tác động trong hệ thống môi trường gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn nguy cơ (hay hiểm họa): các yếu tố gây hại tồn tại trong hệ thống, nhưng chưa phát triển đến mức gây mất ổn định. Giai đoạn phát triển: các yếu tố tai biến tập trung lại, gia tăng, tạo trạng thái mất ổn định nhưng chưa vượt qua ngưỡng an toàn của cả hệ thống môi trường. Giai đoạn sự cố môi trường: quá trình vượt qua ngưỡng an toàn, gây thiệt hại cho con người về sức khỏe, tính mạng, tài sản trên diện rộng... Những sự cố gây thiệt hại lớn được gọi là tai họa, lớn hơn nữa được gọi là thảm họa môi trường.

Theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam: “Ô nhiễm môi trường là sự làm thay đổi tính chất của môi trường, vi phạm tiêu chuẩn môi trường”.

Trên thế giới, ô nhiễm môi trường được hiểu là việc chuyển các chất thải hoặc năng lượng vào môi trường đến mức có khả năng gây hại đến sức khỏe con người, đến sự phát triển sinh vật hoặc làm suy giảm chất lượng môi trường. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường bao gồm các chất thải ở dạng khí (khí thải), lỏng (nước thải), rắn (chất thải rắn) chứa hóa chất hoặc tác nhân vật lý, sinh học

và các dạng năng lượng như nhiệt độ, ánh sáng, bức xạ.

Tuy nhiên, môi trường chỉ được coi là bị ô nhiễm nếu trong đó hàm lượng, nồng độ hoặc cường độ các tác nhân trên đạt tới mức có khả năng gây tác động xấu đến con người, sinh vật và vật liệu.

Nguyên nhân dẫn đến sự ô nhiễm môi trường là do: 1) Sự thiếu ý thức, tùy tiện, háms lợi trực tiếp của người dân: đa số có ý thức sống cộng đồng còn thấp, coi việc bảo vệ môi trường là của nhà nước, ý lại vào nhà nước mà quên mất vai trò bảo vệ môi trường phải xuất phát từ nhận thức và hành động của người dân. Mỗi người dân đều cho rằng việc xả thải chất bẩn, chất độc trực tiếp ra môi trường hoặc dùng chất độc bị cấm vào sản xuất của riêng mình chỉ là phần nhỏ bé, không đáng kể, không đủ gây hại môi trường. Nhưng nếu mỗi người đều nghĩ như vậy thì sự tích lũy sẽ trở thành vãn nạn lớn. Một số có ý thức kém hơn còn coi việc đó càng giấu được thì càng có lợi cho mình, còn hại là của chung; 2) Sự chạy theo mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp đã trực tiếp đưa vào môi trường những chất thải rắn, chất thải lỏng, chất thải khí chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đúng theo tiêu chuẩn môi trường quy định; 3) Sự yếu kém của bộ máy quản lý nhà nước và các tổ chức chuyên trách xét trên cả hai phương diện: năng lực và ý thức trách nhiệm; 4) Sự biến đổi của tự nhiên.

4. Nhận dạng về an ninh môi trường

Ngay từ những năm 50-60 của thế kỷ XX, một số quốc gia phương Tây đã chú ý tới quan hệ giữa môi trường và sự phát triển kinh tế, đồng thời tiến hành nghiên cứu và điều tra chuyên sâu về các biến đổi tiêu cực của môi trường sinh thái. Đến đầu những năm 80 của thế kỷ XX, các học giả phương Tây lần đầu tiên đưa ra khái niệm “an ninh môi trường” và đặc biệt coi trọng vãn đề an ninh môi trường trong chiến lược an ninh quốc gia. Năm 1987, Đại hội đồng Liên hợp quốc lần đầu tiên đã đề cập tới khái niệm an ninh môi trường trong một vãn bản chính thức của mình, được coi là một khái niệm tổng hợp bao hàm các nhân tố phi quân sự: “Gần đây, các nhân tố phi quân sự uy hiếp đến an ninh bắt đầu trở thành tâm điểm chú ý của an ninh quốc tế... Quản lý nguồn tài nguyên không hợp lý, lãng phí đều gây ra những uy hiếp đối với an ninh. Sự biến đổi tiêu cực của môi trường đang tạo thành các uy hiếp đối với sự phát triển, trở thành căn nguyên của các căng thẳng và tiêu cực xã hội ảnh hưởng đến cả nhân loại như

đói nghèo, mù chữ, dịch bệnh...”¹.

Bước sang những năm 90 của thế kỷ XX, khái niệm này được Chính phủ Mỹ và một số quốc gia phương Tây chính thức công nhận. Năm 1994, trong Báo cáo chiến lược an ninh quốc gia, Mỹ chính thức đưa vấn đề an ninh môi trường trở thành một lĩnh vực an ninh quốc gia: “Không phải tất cả các nguy cơ trên phương diện an ninh đều mang tính chất quân sự. Các vấn đề xuyên quốc gia như hoạt động khủng bố, buôn bán ma túy, hủy hoại môi trường, bùng nổ dân số, di dân phi pháp... đối với chính sách hiện nay và tương lai của nước Mỹ mà nói đều mang hàm nghĩa an ninh”; “Hiện nay, quyết định của chúng ta với vấn đề môi trường sẽ ảnh hưởng đến mức độ uy hiếp của môi trường đối với an ninh. Sự phức tạp của các khó khăn mà chúng ta sẽ phải đương đầu trong tương lai sẽ được quyết định bởi các bước đi mà chúng ta thực hiện lúc này”². Năm 1996, các quốc gia châu Âu cũng chính thức đặt vấn đề môi trường trở thành một lĩnh vực thuộc phạm vi an ninh quốc gia. Với việc đề ra “*quan niệm an ninh cộng đồng*”, quan niệm an ninh mới của châu Âu đã mở rộng phạm vi an ninh quốc gia với các vấn đề như tội phạm có tổ chức, di dân phi pháp, chủ nghĩa khủng bố xuyên quốc gia, sự suy thoái của môi trường, thiếu hụt nguồn tài nguyên...

Tuy nhiên, trên phương diện học thuật, cho đến nay, các học giả vẫn chưa có sự thống nhất về nội hàm của khái niệm an ninh môi trường. Theo học giả Jonh Bamett, “an ninh môi trường” là một khái niệm rất khó có thể phân định rõ ràng, các vấn đề của an ninh môi trường có thể chia thành ba vấn đề lớn:

Thứ nhất, môi trường suy thoái uy hiếp đến an ninh quốc gia, biểu hiện của nó dẫn đến hàng loạt các vấn đề khác như sự phát tán xuyên quốc gia của các chất thải độc hại; sự suy giảm của sức khỏe nhân dân; do kinh tế suy giảm và sự thiếu hụt nghiêm trọng của các nguồn tài nguyên đã dẫn đến xung đột, bạo loạn trong nước, từ đó dẫn đến gián đoạn và thiếu hụt nguồn cung nhiên liệu cho thị trường quốc tế, gây ra các cuộc khủng hoảng thị trường nguyên liệu trên thế giới, thậm chí dẫn tới xung đột quốc gia và khu vực về vấn đề tài nguyên.

Thứ hai, hoạt động của con người đã phá hoại khả năng tái hồi phục của hệ động - thực vật, phá vỡ cân bằng sinh thái, chính vì vậy, an ninh môi trường nhiều khi còn được gọi là *an ninh sinh thái*. Sự suy giảm của đa dạng sinh học,

¹Lục Trung Vĩ (Lu Zhongwei): *Luận bàn an ninh phi truyền thống*, Nxb. Thời «ư, Hắc Kinh, 2003, tr.190.

101

²The White House: *The National Security Strategy of the United States of America*, 1994.

102

biến đổi khí hậu, giảm thiểu diện tích rừng... đã và đang tạo ra những uy hiếp rất lớn đến tính hoàn chỉnh của vòng đời sinh vật.

Thứ ba, những biến đổi tiêu cực của môi trường tạo ra các uy hiếp đối với an ninh con người, vấn đề được ưu tiên quan tâm hiện nay là con người hiện tại và tương lai liệu có thể sinh tồn và phát triển trong môi trường trái đất hay không³.

Học giả Hartmut Krugman lại cho rằng, vấn đề an ninh môi trường có thể phân thành hai loại chính:

Loại thứ nhất xuất phát từ góc độ quan niệm an ninh truyền thống, nhấn mạnh các uy hiếp đến an ninh quốc gia có nguồn gốc từ vấn đề môi trường hoặc do can thiệp vào môi trường gây ra, phản ánh quan niệm an ninh lấy đối kháng, thống trị để đối phó với các uy hiếp, các mối đe dọa.

Loại thứ hai được nghiên cứu dưới góc độ vĩ mô hơn, đặt an ninh môi trường trong sự thống nhất với các khái niệm khác như “an ninh cộng đồng”, “an ninh toàn cầu”, “an ninh con người”. Quan niệm này không chỉ nghiên cứu an ninh toàn cầu và khu vực, mà còn tổng hợp tất cả các nhân tố “không an toàn” có liên hệ với các uy hiếp phi truyền thống. Quan niệm an ninh môi trường vĩ mô coi nhân loại là một thể thống nhất cùng vận mệnh sinh tồn, nhấn mạnh sự biến đổi tiêu cực của môi trường sẽ phá vỡ sự thịnh vượng chung của toàn nhân loại⁴.

Lý thuyết của John Vogler, Mark F.Imber trong nghiên cứu *Môi trường và quan hệ quốc tế: Chương trình thay đổi môi trường toàn cầu* (The environment and international relations: Global environmental change programme) đã nêu lên những vấn đề chung về an ninh môi trường; kinh tế - chính trị quốc tế và thay đổi môi trường toàn cầu; lý thuyết về thực thể mới, chủ nghĩa thể chế mới và công ước thay đổi khí hậu; sinh thái xã hội và toàn cầu hóa của thay đổi môi trường; vấn đề môi trường và Liên hợp quốc; tư tưởng bá chủ của các nước lớn ảnh hưởng rất lớn đến đảm bảo an ninh môi trường, đặc biệt với một quốc gia như Mỹ hoặc Trung Quốc thiếu trách nhiệm trước biến đổi của môi trường, khí hậu thế giới⁵. Mặc dù chưa tìm được sự thống nhất về nội hàm

³ Lục Trung Vĩ (Lu Zhongwei): *Luận bàn an ninh phi truyền thống*, Nxb. Thời lự, Bắc Kinh, 2003, tr. 192. 103

⁴ Lục Trung Vĩ (Lu Zhongwei): *Luận bàn an ninh phi truyền thống*, Nxb. Thời sự, Bắc Kinh, 2003, tr. 193

⁵ Tham khảo tại: www.amazon.co.uk... 'Economics

khái niệm, nhưng các học giả đều khá thống nhất trong việc xác định các vấn đề môi trường chủ yếu mà cả thế giới đang phải đối diện là: sự biến đổi khí hậu toàn cầu, trong đó đặc biệt nhấn mạnh tới hiệu ứng nhà kính gây ấm lên toàn cầu; sự phá hủy và tổn hại của tầng ôzôn; tính đa dạng sinh vật giảm mạnh; hiện tượng sa mạc hóa đất đai; hệ thực vật rừng bị phá hoại; nguy cơ nguồn nước và sự hủy hoại các nguồn tài nguyên biển và cuối cùng là vấn đề mưa axit. Cùng với đó, các nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này gồm: sự bùng nổ dân số; việc sử dụng năng lượng không hợp lý; việc khai thác thiên nhiên quá độ, cuối cùng là sự phá hoại và hậu quả to lớn từ các cuộc chiến tranh mà con người gây ra.

II. CÁC VẤN ĐỀ CHỦ YẾU CỦA AN NINH MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, an ninh môi trường đang chủ yếu tập trung vào một số vấn đề chủ yếu là ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường nước...

1. Ô nhiễm không khí

Hiện nay, ô nhiễm không khí là việc đưa vào trong không khí những chất khí lạ làm biến đổi quan trọng về thành phần của không khí, những biến đổi đó gây tác hại đáng kể cho đời sống con người và sinh vật. Ô nhiễm khí quyển là vấn đề thời sự nóng bỏng của cả thế giới chứ không phải riêng của một quốc gia nào. Môi trường khí quyển đang có nhiều biến đổi rõ rệt, có ảnh hưởng xấu đến con người và các sinh vật. Do tính chất đối lưu, nên hiện nay ô nhiễm không khí đã là vấn đề báo động toàn cầu.

Trong ô nhiễm không khí, đôi khi còn do ô nhiễm bụi. Bụi là các phân tử rắn, rời rạc, có kích thước từ nguyên tử đến có thể nhìn thấy được bằng mắt thường, dưới tác động của dòng lưu chuyển không khí, chúng lơ lửng trong môi trường không khí với thời gian dài - ngắn khác nhau, sau đó mới lắng xuống.

Có rất nhiều nguồn gây ô nhiễm không khí. Có thể chia ra thành nguồn tự nhiên và nguồn nhân tạo.

a. Nguồn tự nhiên

Núi lửa: Núi lửa phun ra những nham thạch nóng và nhiều khói bụi giàu sunfua, mêtan và các loại khí khác. Không khí chứa bụi lan tỏa đi rất xa vì nó được phun lên rất cao.

Cháy rừng: Các đám cháy rừng và đồng cỏ bởi các quá trình tự nhiên xảy ra do sấm chớp, cọ xát giữa thảm thực vật khô như tre, cỏ. Các đám cháy này thường lan truyền rộng, phát thải nhiều bụi và khí.

Bão bụi gây nên do gió mạnh và bão, mưa bào mòn đất sa mạc, đất trồng và gió thổi tung lên thành bụi. Nước biển bốc hơi và cùng với sóng biển tung bọt mang theo bụi muối lan truyền vào không khí.

Các quá trình phân hủy, thời rửa xác động, thực vật tự nhiên cũng phát thải nhiều chất khí, các phản ứng hóa học giữa những khí tự nhiên hình thành các khí sunfua, nitrit, các loại muối v.v. Các loại bụi, khí này đều gây ô nhiễm không khí.

b. Nguồn nhân tạo

Nguồn gây ô nhiễm nhân tạo rất đa dạng, nhưng chủ yếu là do hoạt động công nghiệp, đốt cháy nhiên liệu hóa thạch và hoạt động của các phương tiện giao thông. Nguồn ô nhiễm công nghiệp do hai quá trình sản xuất gây ra:

Quá trình đốt nhiên liệu thải ra rất nhiều khí độc đi qua các ống khói của các nhà máy vào không khí.

Do bốc hơi, rò rỉ, thất thoát trên dây chuyền sản xuất sản phẩm và trên các đường ống dẫn tải. Nguồn thải của quá trình sản xuất này cũng có thể được hút và thổi ra ngoài bằng hệ thống thông gió.

Các ngành công nghiệp chủ yếu gây ô nhiễm không khí bao gồm: nhiệt điện; vật liệu xây dựng; hóa chất và phân bón; dệt và giấy; luyện kim; thực phẩm; các xí nghiệp cơ khí; các nhà máy thuộc ngành công nghiệp nhẹ; giao thông vận tải, bên cạnh đó phải kể đến sinh hoạt của con người.

Nguyên nhân gây ô nhiễm khí đến từ con người lẫn tự nhiên. Hàng năm con người khai thác và sử dụng hàng tỷ tấn than đá, dầu mỏ, khí đốt. Đồng thời cũng thải vào môi trường một khối lượng lớn các chất thải khác nhau như: chất thải sinh hoạt, chất thải từ các nhà máy và xí nghiệp làm cho hàm lượng các loại khí độc hại tăng lên nhanh chóng.

Ô nhiễm môi trường khí quyển tạo nên sự ngột ngạt và “sương mù”, gây nhiều bệnh cho con người. Nó còn tạo ra các cơn mưa axit làm hủy diệt các khu rừng và các cánh đồng.

Điều đáng lo ngại nhất là con người thải vào không khí các loại khí độc

như CO₂ đã gây hiệu ứng nhà kính. Theo một số nghiên cứu thì chất khí quan trọng gây hiệu ứng nhà kính là CO₂ - đóng góp 50%, CH₄ là 13%, nitơ 5%, CFC là 22%, hơi nước ở tầng bình lưu là 3%...

Nếu như chúng ta không ngăn chặn được hiện tượng hiệu ứng nhà kính thì trong vòng 30 năm tới mặt nước biển sẽ dâng lên từ 1,5-3,5m (Stepplan Keckes). Có nhiều khả năng lượng CO₂ sẽ tăng gấp đôi vào nửa đầu thế kỷ sau. Điều này sẽ thúc đẩy quá trình nóng lên của trái đất diễn ra nhanh chóng. Nhiệt độ trung bình của trái đất sẽ tăng khoảng 3,60°C (G.I.Plass), và mỗi thập kỷ sẽ tăng 0,30°C.

Theo các tài liệu khí hậu quốc tế, trong vòng hơn 130 năm qua, nhiệt độ trái đất tăng 0,40°C. Tại Hội nghị khí hậu châu Âu được tổ chức gần đây, các nhà khí hậu học trên thế giới đã đưa ra dự báo rằng đến năm 2050 nhiệt độ của trái đất sẽ tăng thêm 1,5- 4,50°C nếu như con người không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục hiện tượng hiệu ứng nhà kính.

Một hậu quả nữa của ô nhiễm khí quyển là hiện tượng lỗ thủng tầng ôzôn. CFC là “kẻ phá hoại” chính của tầng ôzôn. Sau khi chịu tác động của khí CFC và một số loại chất độc hại khác thì tầng ôzôn sẽ bị mỏng dần rồi thủng. Như vậy, vỏ bọc trái đất bị phá vỡ, trái đất sẽ nóng lên nhanh chóng và các bức xạ ánh sáng độc từ mặt trời sẽ đi thẳng xuống trái đất.

2. Ô nhiễm môi trường đất

Về vấn đề ô nhiễm môi trường đất, đây là tất cả các hiện tượng làm nhiễm bẩn môi trường đất bởi các chất ô nhiễm. Người ta có thể phân loại đất bị ô nhiễm theo các nguồn gốc phát sinh hoặc theo các tác nhân gây ô nhiễm. Nếu theo nguồn gốc phát sinh có: ô nhiễm đất do các chất thải sinh hoạt; ô nhiễm đất do chất thải công nghiệp; ô nhiễm đất do hoạt động nông nghiệp.

Tuy nhiên, môi trường đất có những đặc thù và một số tác nhân gây ô nhiễm có thể cùng một nguồn gốc nhưng lại gây tác động bất lợi rất khác biệt. Do đó, người ta còn phân loại ô nhiễm đất theo các tác nhân gây ô nhiễm:

Ô nhiễm đất do tác nhân hóa học: bao gồm phân bón N, P (dư lượng phân bón trong đất), thuốc trừ sâu (clo hữu cơ, DDT, lindan, aldrin, photpho hữu cơ v.v.), chất thải công nghiệp và sinh hoạt (kim loại nặng, độ kiềm, độ axit v.v.).

Ô nhiễm đất do tác nhân sinh học: trực khuẩn lỵ, thương hàn, các loại ký sinh trùng (giun, sán v.v.).

Ô nhiễm đất do tác nhân vật lý: nhiệt độ (ảnh hưởng đến tốc độ phân hủy chất thải của sinh vật), chất phóng xạ (Uran, Thori, Sr90,1131, Csl37).

Chất ô nhiễm đến với đất qua nhiều đầu vào, nhưng đầu ra thì rất ít. Đầu vào có nhiều vi chất ô nhiễm có thể từ trên trời rơi xuống, từ nước chảy vào, do con người trực tiếp “tặng” cho đất, mà cũng có thể không mời mà đến.

Đầu ra rất ít vì nhiều chất ô nhiễm sau khi thấm vào đất sẽ lưu lại trong đó. Hiện tượng này khác xa với hiện tượng ô nhiễm nước sông, ở đây chỉ cần chất ô nhiễm ngừng xâm nhập thì khả năng tự vận động của không khí và nước sẽ nhanh chóng tống khứ chất ô nhiễm ra khỏi chúng. Đất có rất ít khả năng này, nếu thành phần chất ô nhiễm quá nhiều, con người muốn khử ô nhiễm cho đất sẽ gặp rất nhiều khó khăn và tốn nhiều tiền của, công sức.

3. Ô nhiễm môi trường nước

Về ô nhiễm môi trường nước, Hiến chương châu Âu về nước đã định nghĩa: Ô nhiễm nước là sự biến đổi nói chung do con người đối với chất lượng nước, làm nhiễm bẩn nước và gây nguy hiểm cho con người, cho công nghiệp, nông nghiệp, nuôi cá, nghỉ ngơi, giải trí, cho động vật nuôi và các loài hoang dã.

Ô nhiễm nước có nguồn gốc tự nhiên: do mưa, tuyết tan, gió bão, lũ lụt đưa vào môi trường nước chất thải bản, các sinh vật và vi sinh vật có hại, kể cả xác chết của chúng.

Ô nhiễm nước có nguồn gốc nhân tạo: quá trình thải các chất độc hại chủ yếu dưới dạng lỏng như các chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vào môi trường nước.

Theo bản chất các tác nhân gây ô nhiễm, người ta phân ra các loại ô nhiễm nước: ô nhiễm vô cơ, hữu cơ; ô nhiễm hóa chất; ô nhiễm sinh học; ô nhiễm bởi các tác nhân vật lý.

Ngoài ra, trong thời đại công nghiệp và đô thị phát triển cao còn xuất hiện một số dạng ô nhiễm khác như: ô nhiễm tiếng ồn bao gồm tiếng ồn do động cơ các phương tiện giao thông, tiếng ồn do sản xuất công nghiệp, tiếng ồn do cuộc sống sinh hoạt đô thị. Ô nhiễm sóng, do các loại sóng như sóng điện thoại, truyền hình... tồn tại với mật độ lớn. Ô nhiễm ánh sáng, hiện nay con người đã sử dụng các thiết bị chiếu sáng một cách lãng phí gây ảnh hưởng lớn tới môi trường cũng như tới quá trình phát triển của động, thực vật.

III. MƯƠI CẢNH BÁO QUAN TRỌNG VỀ AN NINH MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT

NAM

Thứ nhất, mất ổn định do biến đổi khí hậu

Một dự báo khá âm đạm là đến năm 2030 khu vực Đông Nam Á sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Do băng tan, lượng nước chảy ra từ các con sông băng thuộc dãy Himalaya giảm mạnh sẽ kéo theo “hàng loạt hậu quả về kinh tế xã hội và chính trị”. Trong một bức điện (thông tin từ Wikileaks), sứ quán Mỹ có ghi chú: “Đông Nam Á với những điều kiện chính trị không ổn định, sự bùng nổ và gia tăng dân số trẻ sẽ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất”.

Thứ hai, an ninh nước đang bị xâm phạm

Việt Nam trước đây được xem là quốc gia giàu tiềm năng nước ngầm. Lượng nước hàng năm của Việt Nam có được là khoảng 850 tỷ m³, trong đó khoảng 500 tỷ m³ là nước quá cảnh. Hiện nay, chúng ta đã sử dụng khoảng 400-450 tỷ m³ mỗi năm. Điều đó cho thấy chúng ta đang phụ thuộc vào nguồn nước chảy từ nước ngoài đến. Các nước trên thượng nguồn, các dòng sông xuyên biên giới hiện đang tích cực đắp đập giữ nước, thậm chí chuyển nước sang các dòng sông khác của họ. Mục nước sông Mekong sẽ giảm mạnh, thay vào đó là sự xâm lấn do nước biển dâng.

Biến động môi trường liên quan đến biến đổi khí hậu và khai thác vô độ nguồn thủy điện thượng nguồn có rất nhiều khả năng dẫn đến tình trạng tị nạn môi trường ở khu vực nông thôn đồng bằng sông Cửu Long. Vùng châu thổ này là nơi sinh sống của 18 triệu người, tương đương với 22% dân số Việt Nam, cung cấp tới 10% diện tích đất canh tác và đóng góp hơn 1/4 GDP của cả nước. Một nửa số gạo ở Việt Nam, trong đó khoảng 90% lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam, 60% tôm cá và 80% trái cây của cả nước được sản xuất từ đồng bằng sông Cửu Long.

Thứ ba, ô nhiễm xuyên biên giới chưa thể kiểm soát

Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 2003 đến nay, các lực lượng chức năng đã phát hiện gần 3.000 container chứa hàng chục nghìn tấn rác quy chì phế thải nhập vào cảng Hải Phòng. Trong 3 năm (2003-2006), đã có gần 2.300 container chứa gần 37.000 tấn rác quy chì phế thải và hàng ngàn tấn chất thải công nghiệp các loại nhập trái phép vào các cảng khu vực Hải Phòng. Ngoài ra còn các cảng địa phương khác. Hiện tượng nhập khẩu ô nhiễm còn do đầu tư trực tiếp nước ngoài và các hàng hóa kém chất lượng khác cũng rất lớn.

Thứ tư, nghèo đói do môi trường gia tăng

Suy thoái môi trường và tài nguyên là một lý do của nghèo đói, chưa có thống kê tách bạch, tuy nhiên những vấn đề về nghèo do khô hạn và lũ lụt miền Trung, do khô hạn ở đồng bằng sông Cửu Long, do nông dân mất đất, do ngư trường xuống cấp,... là điều chắc chắn. Chỉ riêng vụ Đông Xuân năm 2010 ở đồng bằng sông Cửu Long đã có 620.000 ha bị nhiễm mặn, mất mùa.

Thứ năm, xung đột môi trường ngày càng căng thẳng

Năm 2010, số lượng vụ khiếu kiện đông người tăng 30% so với năm 2009 và có xu hướng ngày càng căng thẳng. Xuất hiện sự tranh chấp giữa các tỉnh/thành phố với nhau hoặc với doanh nghiệp về nguồn nước, rừng, đất đai.

Thứ sáu, môi trường Tây Nguyên đang khủng hoảng

Việc khai thác nước ngầm một cách bừa bãi cho trồng cây công nghiệp và phá rừng tràn lan ở Tây Nguyên (gần 47% tổng số vụ phá rừng trên cả nước là xảy ra tại Tây Nguyên) đã gây nên hiện tượng tụt nước ngầm, làm giảm đáng kể lượng nước, gây ảnh hưởng lớn đến việc cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất, ở một số nơi, mực nước ngầm đã giảm 3-4m, thậm chí có nơi trên 10m so với trước đây.

Các nguồn nước tự nhiên như sông, suối cũng dần bị cạn kiệt và ô nhiễm, gây khó khăn cho sinh hoạt, sản xuất. Đất Tây Nguyên cũng đã bị xuống cấp, đang bị chua hóa, hàm lượng chất dinh dưỡng bị suy thoái, hiện tượng xói mòn và rửa trôi đất ngày càng trầm trọng.

Thứ bảy, Đông Nam Bộ phát triển không bền vững

Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường cho biết, kiểm tra trên 2.000 vụ việc thì đã có trên 800 vụ xả nước thải lén hoặc nước thải không đạt tiêu chuẩn. Ngoài ra, còn 700 làng nghề chủ yếu sản xuất các ngành nghề như thuộc da, dệt, nhuộm, tái chế kim loại, tái chế bọc nylon và dầu nhớt nhưng không có hệ thống xử lý nước thải nên sông Đồng Nai phải gánh chịu ô nhiễm. Gần 50% số trận mưa ở Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh là mưa axit. Ngập lụt, triều cường, lún sụt tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa có cách khắc phục cơ bản.

Thứ tám, sinh vật ngoại lai nguy hại và sinh vật biến đổi gen xâm lấn ngày càng tăng

Mai dương, tôm thẻ chân trắng, ốc bươu vàng, rùa tai đỏ, tôm hùm đỏ,

cây bìm bùi hoa vàng, bọ cánh cứng hại dưa, virus gây bệnh lợn tai xanh, phẩy khuẩn tả biến tính, cá hoàng đế, cá hổ, hoa ngũ sắc,...và không ít giống cây trồng biến đổi gen (ngô, bông, đậu tương,...) đã xâm nhập hay được đưa một cách phạm luật vào nước ta mà tác hại của chúng không phải trường hợp nào cũng được chứng minh.

Thứ chín, tài nguyên khoáng sản đang thất thoát

Gần 450 mỏ đang khai thác nhưng chỉ mang về chưa tới 1,5% GDP nguồn thu từ bán khoáng sản thô. Riêng xuất khẩu cát thời gian qua khiến mỗi năm Việt Nam mất bằng diện tích một hòn đảo nửa km². Thời gian qua, việc khai thác khoáng sản chủ yếu nhằm xuất khẩu quặng thô hay sơ chế nên giá trị không cao, chưa nói đến việc bảo vệ môi trường khai khoáng cực kỳ yếu kém dẫn đến có nhiều ý kiến quan ngại rằng chúng ta đang lâm vào “lời nguyền tài nguyên”.

Thứ mười, văn hóa an toàn và an ninh môi trường

Văn hóa an toàn là một dạng văn hóa doanh nghiệp (tức là một hệ sản xuất), nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người lao động, người sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp và người cư trú trong phạm vi ảnh hưởng về môi trường của doanh nghiệp. Không ít hệ sản xuất ở nước ta thiếu một thứ văn hóa cơ bản đó chính là “văn hóa an toàn”. Không ít hệ sản xuất chỉ tập trung vào việc giảm chi phí để tăng lợi nhuận mà không cần để tâm đến sự an toàn. Những “làng ung thư”, những vụ ngộ độc tập thể, tràn dầu trên biển... vẫn luôn xảy ra.

TTBD ĐBDC

